

TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI THÁI BÌNH THỜI KỲ 2001 - 2005

Nhâm Đức Riềm

Trưởng phòng Tổng hợp - Cục TK Thái Bình

Năm năm qua (2001 - 2005), bên cạnh những thuận lợi, Thái Bình gặp không ít khó khăn. Trận mưa úng đầu tháng 9/2003 gây thiệt hại lớn đến sản xuất nông nghiệp và thủy sản (giảm 2% tăng trưởng GDP toàn tỉnh). Dịch cúm gia cầm năm 2003 bùng phát, giá cả hàng hoá, xăng, dầu, vật tư nguyên liệu cho sản xuất và tiêu dùng tăng cao,... Song với những quyết tâm nỗ lực phấn đấu của đảng bộ và nhân dân trong tỉnh và có những giải pháp hợp lý, nền kinh tế của tỉnh vẫn từng bước phát triển ổn định và có tốc độ tăng trưởng khá; đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, các mặt văn hoá, xã hội,... có tiến bộ và phát triển khá đồng đều.

Tổng sản phẩm (GDP) của tỉnh năm 2005 dự kiến đạt 6455 tỷ đồng (theo giá so sánh 1994). So với năm 2004, tăng 7,8%. So với năm 2000, tăng 41,6% gấp 1,8 lần năm 1995, số tuyệt đối GDP của Thái Bình gấp 2,0 lần Ninh Bình, 2,2 lần Hà Nam, 1,3 lần Bắc Ninh, 1,2 lần Hưng Yên, 1,04 lần Vĩnh Phúc và 1,01 lần Nam Định.

GDP bình quân 5 năm (2001-2005), tăng 7,21%, so với mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI vượt 0,21%. Thời kỳ 1996 - 2000, tăng trưởng bình quân năm là 4,45%. Riêng năm 2005 dự tính GDP tăng 7,8%, thấp hơn mức bình quân chung cả nước, (cả nước tăng 8,4%), cao hơn Nam Định (do bão số 7, tăng trưởng GDP của Nam Định

chỉ đạt 7%). Còn các tỉnh xung quanh đều có mức tăng trưởng trên 10%. Tăng trưởng kinh tế của Thái Bình thấp hơn các tỉnh trong vùng vì là tỉnh nông nghiệp có cơ cấu khu vực 1 (khu vực có năng suất thấp và chịu ảnh hưởng nhiều do tác động của thiên nhiên) chiếm tới 42% tổng GDP.

GDP bình quân đầu người năm 2005 đạt 5,70 triệu đồng (370 USD), so với năm 2004 tăng 18%; so với năm 2000 tăng 75,4%. Tuy tăng nhanh qua các năm, nhưng so với mục tiêu Đại hội XVI tỉnh Đảng bộ đề ra thì chỉ tiêu này mới đạt 92,5% (mục tiêu 400 USD) và thấp hơn mức bình quân chung của cả nước (5,70 triệu đồng so với 8,69 triệu đồng).

Cơ cấu theo nhóm ngành kinh tế của Thái Bình đang có sự chuyển dịch theo hướng và mục tiêu đã đề ra. Tỷ trọng khu vực công nghiệp xây dựng (CNXD) từ 14,75% năm 2000, tăng lên 22,86% năm 2005, so với mục tiêu đại hội vượt 5,86%. Khu vực dịch vụ tăng từ 31,56% năm 2000 lên 34,87% năm 2005, chưa đạt được mục tiêu đại hội đề ra (mục tiêu 35%). (Xem số liệu bảng 1).

Sự tăng trưởng của nền kinh tế đã góp phần quan trọng trong việc huy động GDP vào ngân sách của tỉnh. Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách năm 2005 dự kiến đạt 13,1%, tăng 5% so với năm 2000.

BẢNG 1: CƠ CẤU KINH TẾ THEO NHÓM NGÀNH QUA CÁC NĂM

	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Chung các ngành	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
- Nhóm ngành NLNTS	53,69	51,59	50,92	45,79	45,56	42,27
- Nhóm ngành CNXD	14,75	16,47	18,00	19,35	21,22	22,86
- Nhóm ngành Dịch vụ	31,56	31,94	31,08	34,86	33,22	34,87

Tuy nhiên, trong cơ cấu kinh tế, tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản của Thái Bình vẫn cao nhất vùng 42,27% (năm 2005). Ngược lại, tỷ trọng khu vực công nghiệp xây dựng chỉ đạt 22,86% (các tỉnh đồng bằng sông Hồng, đều đạt trên 30%)

1. Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy Sản

Giá trị sản xuất (GTSX) Nông, lâm thủy sản năm 2005 dự kiến thực hiện 4821 tỷ đồng (giá cố định 1994), so với năm 2004 tăng 2,49% và tăng 21,59% so với năm 2000, bình quân 5 năm tăng 4,0%, vượt mục tiêu đại hội 0,54%. GDP khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2005 đạt 3138 tỷ đồng tăng 1,26% so với năm 2004 và tăng 17,2% so với năm 2000. Mức tăng bình quân 5 năm là 3,23%.

- Riêng nông nghiệp giá trị sản xuất năm 2005 đạt 4354 tỷ đồng, so với năm 2004 tăng 1,65%, so với năm 2000 tăng 18,8%, bình quân 5 năm tăng 3,51%. Mức tăng trưởng sản xuất nông nghiệp của tỉnh những năm vừa qua thấp (trong khi nông nghiệp cả nước tăng bình quân khoảng 4,4%). Nguyên nhân khách quan do thiên tai xảy ra đối với trồng trọt 2 năm 2001 và

2003; đối với chăn nuôi gia cầm năm 2003, 2004.

- Sản xuất lương thực từ năm 2001 đến 2005 (trừ năm 2003) đều đạt trên 1 triệu tấn, giữ vững mục tiêu 1 triệu tấn lương thực đã đề ra. Lương thực bình quân đầu người từ 595 kg/người năm 2000, tăng lên 611 kg/người năm 2004.

- Giá trị sản xuất ngành Chăn nuôi năm 2005 (theo giá cố định 1994) đạt 1220 tỷ đồng, tăng 17,53% so với năm 2004 và tăng 62,5% so với năm 2000, mức tăng bình quân 5 năm là 10,19%. Cơ cấu giữa trồng trọt và chăn nuôi đang có chuyển biến tích cực, trồng trọt giảm từ 75,6% năm 2000 xuống 64,77% năm 2005, chăn nuôi từ 21,3% lên gần 32%. Cơ cấu chăn nuôi đang chuyển dần sang kinh tế hàng hoá, đàn trâu năm 2005 chỉ bằng 59,7% năm 2000. Chăn nuôi bò thịt tăng nhanh, đàn bò năm 2005 tăng 34% so với năm 2001 và 13,9% so với năm 2004. Số đầu lợn năm 2005 so với năm 2004 tăng 11,72%, so với năm 2000 tăng 64,1%, bình quân 5 năm tăng 10,41%, trong đó lợn nái gấp 1,4 lần năm 2000, tăng 7,5% so với năm 2004, bình quân 5 năm tăng 7,0%; thịt lợn hơi xuất chuồng tăng 10,8% so với năm 2004 và tăng gấp 1,5 lần so với năm 2000, bình quân 5 năm tăng 9,45%.

Chăn nuôi gia cầm, thủy sản và các con đặc sản cũng được khuyến khích phát triển. Sản lượng thủy sản năm 2005 so với năm 2004 tăng 10,6%. Riêng sản lượng tôm tăng 10,8%. Giá trị sản xuất ngành thủy sản năm 2005 so với năm 2004 tăng 11,8%, gấp 1,7 lần năm 2000 và bình quân 5 năm tăng 10,8% năm.

Những năm qua tỉnh Thái Bình đã chuyển 6000 ha diện tích cấy lúa, làm muối sang nuôi trồng các cây, con có hiệu quả kinh tế cao hơn. Năm 2005 giá trị sản phẩm trồng trọt trên 1 ha đất nông nghiệp của tỉnh đạt 38,32 triệu đồng, so với năm 2004 tăng 3,67%, so với năm 2000 tăng 18,9%. Toàn tỉnh đã có 140 xã, thị trấn xây dựng được 269 cánh đồng với diện tích 2842 ha, đạt giá trị sản xuất bình quân 63,4 triệu đồng/ha năm.

Khó khăn và hạn chế của nông nghiệp là: Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển bền vững, khả năng chống đỡ thiên tai còn hạn chế; kinh tế hộ gia đình, kinh tế tư nhân trong nông nghiệp, nông thôn còn yếu. Tác động của công nghiệp vào nông nghiệp và thủy sản chưa rõ nét, công nghiệp chế biến nông, hải sản chậm phát triển. Giá cả vật tư nông nghiệp, phân hoá học, thuốc trừ sâu, tăng cao hơn hẳn giá nông sản, nên tỷ lệ lãi của người nông dân thấp.

2. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp của Thái Bình năm 2005 dự kiến thực hiện 3317 tỷ đồng (theo giá cố định 1994), so với năm 2004 tăng 20,83%, so với năm 2000 tăng gấp 2,3 lần, bình quân 5 năm tăng 17,8%. So với thời kỳ (1996-2000) tăng gấp 2,2 lần; năm 2005 toàn tỉnh có 173 làng nghề đạt

tiêu chuẩn 100% số xã có nghề (năm 2001 có 82 làng nghề). Nghề và làng nghề được mở rộng và phát triển, đã giải quyết việc làm tại chỗ, giảm hộ thuần nông, tăng thu nhập cho người lao động và góp phần từng bước đô thị hoá nông thôn. Đồng thời tỉnh có chủ trương phát triển mạnh các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung. Đến nay có 5 khu công nghiệp là Phúc Khánh, Nguyễn Đức Cảnh, Tiền Hải, Cầu Ngàn, Xuân Hoà và phát triển các cụm công nghiệp ở tất cả các huyện, thành phố.

Thái Bình đã tập trung vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và cụm công nghiệp bằng mọi nguồn vốn huy động được và xây dựng các khu này để làm nòng cốt cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH và phát triển đô thị. Từ năm 2001 đến 2005, có 109 dự án hoàn thành, đi vào sản xuất, với số vốn đầu tư 1600 tỷ đồng, tạo việc làm cho gần 2,5 vạn lao động.

Thái Bình đã tích cực sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước theo Nghị định 103/CP, đa dạng hoá các loại hình sản xuất công nghiệp. Từ năm 2001 đến năm 2005 đã thành lập 890 doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ phần hoá hầu hết các doanh nghiệp nhà nước.

Trong sản xuất công nghiệp chú trọng phát triển những ngành nghề sử dụng nguyên liệu địa phương như: sản phẩm nông sản, thực phẩm, sản phẩm sành, sứ, thủy tinh, dệt, da, may mặc, v.v...

Hạn chế của sản xuất công nghiệp Thái Bình thời kỳ 2001- 2005 là các cơ sở sản xuất chủ yếu vẫn là quy mô nhỏ, tỷ trọng công nghiệp thấp. Lực lượng lao động kỹ thuật còn ít, chưa đáp ứng được yêu cầu

phát triển công nghiệp kỹ thuật cao. Số sản phẩm hàng định thương hiệu chưa được nhiều. Chưa có nhà máy lớn, có giá trị sản xuất cao, tạo ra sự tăng trưởng đột biến trong công nghiệp, v.v...

3. Lĩnh vực đầu tư

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2005 đạt 2934 tỷ đồng, tăng 14,7% so với năm 2004, tăng 70,0% so với năm 2000, bình quân hàng năm tăng 11,2%; cả thời kỳ 2001- 2005 là 11416 tỷ đồng, so với mục tiêu Đại hội XVI, tăng 8,6%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP năm 2000 là 17,3%, năm 2005 là 27,6%.

Tổng vốn đầu tư thời kỳ 2001- 2005 so với thời kỳ 1996- 2000 tăng gấp 2,6 lần. Vốn đầu tư tập trung chủ yếu vào các công trình phục vụ nông nghiệp, làm mới và nâng cấp đường giao thông, cầu, cống, xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các trường học, bệnh viện, công trình văn hoá, thể thao. Nhiều công trình hạng mục công trình có vốn đầu tư lớn hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy tác dụng phục vụ cho sản xuất, đời sống như: cầu Võ Hối, cầu Trà Lý, hệ thống giao thông nội thị, trung tâm hội nghị tỉnh, nhà bảo tàng, khu quảng trường, trường Chính trị tỉnh, bệnh viện đa khoa tỉnh, bệnh viện huyện, chợ Bo,...

Do những năm qua đầu tư xây dựng được chú ý nên đã tạo ra được 7652 tỷ đồng giá trị TSCĐ cho tỉnh. Các tầng lớp dân cư cũng đã đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị với số vốn khá lớn, chiếm khoảng trên 60% tổng số vốn đầu tư toàn xã hội, làm cho nền kinh tế của tỉnh có nhiều khởi sắc, bộ mặt thành phố và nông thôn có nhiều thay đổi.

GTSX ngành xây dựng từ năm 2001 đến nay luôn tăng ở mức khá: năm 2005 tăng

14,7% so với năm 2004 và gấp 1,5 lần so với năm 2000, bình quân hàng năm tăng 8,8%.

4. Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, dịch vụ

Các công trình giao thông vận tải trong những năm qua được đầu tư đúng mức. Cầu Tân Đệ, quốc lộ 10, các cầu cống, bến phà, bến bãi,... được hoàn thành, hệ thống giao thông nông thôn tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp. Đặc biệt các tuyến đường nối các thôn xóm do xã quản lý (có trên 2000 km) hầu như đã được rải nhựa và bê tông.

Về vận tải, đã cổ phần hoá công ty xe khách, giải thể xí nghiệp vận tải hàng hoá, cho phép thành lập các công ty tư nhân, liên doanh, liên kết với tỉnh ngoài và có đủ các thành phần kinh tế tham gia vận tải.

Phương tiện vận tải được đầu tư, nâng cấp, vận tải hành khách phần lớn bằng xe có chất lượng cao, đảm bảo vận chuyển an toàn và đáp ứng đầy đủ mọi nhu cầu đi lại của nhân dân.

Vận tải hàng hoá, phát triển mạnh cả đường bộ, đường sông, đường biển. Khối lượng vận tải và doanh thu vận tải những năm qua tăng nhanh. Năm 2005 vận tải hàng hoá đạt 6 triệu tấn, tăng gấp 3,2 lần so với năm 2000, khối lượng hành khách vận chuyển đạt 4,4 triệu lượt người gấp 2,3 lần. Doanh thu vận tải hàng hoá và hành khách đạt 300 tỷ đồng, tăng gấp 5 lần so với năm 2000.

Giá trị sản xuất ngành vận tải năm 2005 tăng gấp 2,7 lần năm 2000, bình quân hàng năm tăng 21,65%.

Ngành Bưu chính viễn thông: 5 năm qua được trang bị máy móc hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, đến năm 2005, Thái Bình có 1 bưu cục trung tâm, 7 bưu cục huyện, thành phố, 40 bưu cục khu vực, có 10 máy

vô tuyến điện, 30 tổng đài điện thoại và 13 máy in cước, 100% số xã có điện thoại, 222 xã có điểm bưu điện văn hoá. Toàn tỉnh có 77 nghìn máy điện thoại, mật độ điện thoại bình quân 100 người dân đạt 4,5 máy. Hệ thống máy vi tính được trang bị rộng, được nối mạng internet cho hầu hết các sở, ban, ngành trong tỉnh. Doanh thu ngành bưu chính viễn thông, năm 2005 đạt 200 tỷ đồng gấp 3,4 lần năm 2000, GTSX bình quân 5 năm tăng 11%/năm.

Ngành Thương mại, nhiều công ty Nhà nước được cổ phần hoá, tư nhân hoá và thành lập nhiều doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn mới kinh doanh ở mọi lĩnh vực. Năm 2005 có 265 doanh nghiệp thương mại (trong đó 260 doanh nghiệp thương mại ngoài quốc doanh, chiếm trên 98%) cùng với gần 40 nghìn hộ kinh doanh cá thể và hệ thống chợ được đầu tư xây dựng, tạo được khí thế sôi động trong hoạt động thương mại. Năm 2005 tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng đạt 4160 tỷ đồng, tăng 21,8% so với năm 2004 và tăng gấp 2 lần so với năm 2000, bình quân hàng năm tăng 14%. (kinh tế ngoài quốc doanh chiếm 95% trong tổng mức bán lẻ). Hàng hoá trên thị trường ngày càng phong phú đa dạng, phương thức mua bán thuận tiện, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Thời kỳ 2001-2003 giá cả hàng hoá ổn định, chỉ số giá hàng năm tăng nhẹ, từ năm 2004 do giá xăng, dầu tăng, thiên tai, dịch bệnh, dịch cúm gia cầm H₅N₁, v.v... nên giá cả nói chung tăng cao.

Hoạt động xuất nhập khẩu từ năm 2001 - 2005 được đẩy mạnh. Số lượng các doanh nghiệp có hàng xuất khẩu tăng nhanh qua các năm, đến năm 2005, toàn tỉnh có 54 doanh nghiệp có hàng xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu được mở rộng sang cả châu Âu

và châu Mỹ. Tổng trị giá xuất khẩu luôn tăng, năm 2001 đạt 47 triệu USD, năm 2002 đạt 53 triệu USD, năm 2003 đạt 64 triệu USD, năm 2004 đạt 81,9 triệu USD. Đến năm 2005 đạt 95 triệu USD, so với năm 2004 tăng 15,8%, so với năm 2000 gấp 2,8 lần, bình quân 5 năm tăng 21,5%/năm, vượt mục tiêu Đại hội XVI là 27% (vượt 20 triệu USD). Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm (2001 - 2005) đạt 341 triệu USD.

Tổng trị giá nhập khẩu năm 2005 đạt 95 triệu USD, tổng trị giá nhập khẩu 5 năm (2001 - 2005) là 311 triệu USD. Bình quân 5 năm tăng 12,8%/năm. Những mặt hàng chủ yếu nhập trong năm qua là nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp như: sắt, thép, bông, men sản xuất gạch, nguyên phụ liệu ngành dệt, may, hoá chất, chất phụ da, thuốc chữa bệnh và một số hàng phục vụ tiêu dùng,...

Thu ngân sách nhà nước năm 2005 dự kiến thực hiện 2502 tỷ đồng, thu trên địa bàn tỉnh đạt 1202 tỷ đồng, gấp 4,0 lần so với năm 2000. Tổng chi ngân sách Địa phương ước năm 2005 là 1836 tỷ đồng, chi cho phát triển kinh tế 826 tỷ đồng, tăng 35,9% so với năm 2004. Chi cho tiêu dùng thường xuyên 825 tỷ đồng tăng 0,5% so với năm 2004%. Nguồn vốn tín dụng huy động 2880 tỷ đồng, gấp 2,3 lần, cho vay đạt 4083 tỷ đồng, gấp 3,3 lần so với năm 2000.

Nhìn chung các ngành dịch vụ trong 5 năm qua có tốc độ tăng trưởng ổn định, GTSX năm 2005 đạt 2769 tỷ đồng (giá so sánh 1994), tăng 11,7% so với năm 2004, tăng 58,5% so với năm 2000, bình quân 5 năm tăng 9,65%/năm, so với mục tiêu Đại hội XVI chưa đạt, còn thấp hơn 1,35% (mục tiêu đại hội tăng 11%).

Cùng những thành tựu kinh tế, Thái Bình hết sức chú trọng vấn đề xã hội và đạt được những kết quả sau:

1. Dân số và kế hoạch hoá gia đình: Những năm qua giữ vững tỷ lệ sinh thay thế, năm 2004: 1,506%, năm 2005 dự kiến tỷ lệ sinh là 1,50%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt dưới 1% (năm 2004 đạt 0,926%, năm 2005 dự kiến đạt 0,950%), đạt mục tiêu Đại hội XVI đề ra.

Tỷ lệ sinh con thứ 3 giảm, năm 2003: 12,7%, tuy nhiên năm 2004 tăng lên 14,05%, năm 2005 giảm xuống 13,5%. Dự kiến dân số trung bình năm 2005 của tỉnh 1850 nghìn người trong đó tỷ lệ nam là 48%, tỷ lệ nữ 52%, dân số thành thị chiếm 7,89%, dân số nông thôn chiếm 92,11%.

2. Giáo dục, đào tạo: 5 năm qua quy mô giáo dục đào tạo tiếp tục được mở rộng, các loại hình trường lớp phát triển đa dạng ở các ngành học, cấp học, chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên. Năm học 2004 - 2005, tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp tương đối cao: trung học cơ sở: 99,61%, trung học phổ thông: 99,08%. Ngành giáo dục của tỉnh giữ vững kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở 100% số xã, phường, thị trấn.

3. Chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ: Tỉnh đã chú trọng đầu tư phương tiện kỹ thuật, chú ý quan tâm nhiều hơn đến việc khám chữa bệnh. Những năm qua hầu như không có dịch bệnh lớn xảy ra, số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng mở rộng hàng năm đạt gần 100%, tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi đến năm 2005 còn 25,6%.

4. Lao động và việc làm, xoá đói, giảm nghèo: Thời kỳ 2001 - 2005, bình quân mỗi

năm giải quyết được trên 22 nghìn chỗ làm việc mới (vượt 11,2% so với mục tiêu Đại hội XVI) và xuất khẩu được 2,5 nghìn lao động. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị từ 7,34% năm 2000, xuống còn 4,5% năm 2005. Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn từ 73,8% năm 2000 tăng lên 81,2% năm 2005. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 30%, trong đó qua đào tạo nghề 18%, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 7,8% năm 2001, xuống còn 5,3% năm 2005 (theo chuẩn nghèo cũ).

5. Văn hoá thông tin: Năm 2005 có 56,5% số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá, có gần 30% số thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hoá. Một số hủ tục trong việc cưới, việc tang, lễ hội ở nhiều địa phương đang từng bước được đẩy lùi.

6. Đời sống nhân dân: Thu nhập bình quân chung của dân cư năm 2005 tăng 21% so với năm 2004. Toàn tỉnh có 99,7% số hộ dùng điện, 90% số hộ được dùng nước sạch, 85% số hộ có máy thu hình, 35% hộ có xe máy, 60% số hộ có nhà xây kiên cố. Tất cả các xã trong tỉnh có nhà văn hoá, có đài truyền thanh.

Nhìn chung nền kinh tế của tỉnh 5 năm qua phát triển tương đối ổn định và khá đồng đều giữa các khu vực, các ngành, các địa phương và có tốc độ tăng khá. Đã đạt và vượt hầu hết các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra. Tuy nhiên, so với cả nước và các tỉnh đồng bằng sông Hồng thì nền kinh tế của Thái Bình tăng trưởng còn ở mức thấp do thực chất cơ cấu nền kinh tế quyết định. Sản xuất công nghiệp chưa chú trọng đầu tư công nghệ cao để tạo sức bật và

(tiếp theo trang 39)

TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI THÁI BÌNH.... *(tiếp theo trang 34)*

khả năng cạnh tranh, tỷ trọng công nghiệp trong GDP còn thấp, chưa thực sự là động lực thúc đẩy sự nghiệp CNH, HĐH nền kinh tế của tỉnh. Một số ngành dịch vụ phát triển chậm. Vì vậy, yêu cầu đẩy mạnh tăng trưởng trong 5 năm tới là bức thiết, nhưng cũng rất khó khăn đòi hỏi phải có sự nỗ lực

rất lớn mới có thể tạo ra được bước phát triển quan trọng của tỉnh. Đồng thời phải chú ý đến các lĩnh vực xã hội nhằm góp phần xây dựng Thái Bình thành một tỉnh kinh tế phát triển, đời sống tinh thần và vật chất ngày càng nâng cao ■